TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 54/2023/DS-ST
Ngày 11/8/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mạnh Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Môn.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ aán dân sự thụ lý số 42/2023/TLST-DS ngày 21/3/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST – DS ngày 07/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2023/QĐST-DS ngày 07/8/2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Lê Hồng T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị An B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số I, đường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn:* Công ty TNHH X.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H- Giám đốc.

Địa chỉ: Số A, ngõ A, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 .

Địa chỉ: Số A, ngõ A, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị An B trình bày:*

Ông Lê Hồng T và vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Nguyễn Thị M có mối quan hệ quen biết, nên ngày 07/01/2021 tại Công ty TNHH X1, ông T có cho Công

ty TNHH X (Công ty X), địa chỉ: Số A, ngõ A, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Văn H làm giám đốc vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay hai bên lập Giấy thoả thuận vay tiền ngày 07/01/2021, nội dung ông T cho Công ty X vay 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nếu Công ty X không trả số tiền vay thì Công ty X phải sang tên 01 lô đất tại xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho ông T. Sau đó các bên có thoả thuận lại về số tiền vay là 300.000.000 đồng nên ông T đã viết vào cuối trang thứ nhất của Giấy thoả thuận vay tiền ngày 07/01/2021 với nội dung cho vay 300.000.000 đồng. Phía Công ty X đã nhận đủ 300.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất 2%/ tháng, nhưng đến nay phía Công ty X chưa thanh toán tiền vay và tiền lãi cho ông T, cũng không sang tên chuyển nhượng lô đất như đã thoả thuận, mặc dù ông T yêu cầu nhiều lần.

Do đó, ông T đề nghị Toà án buộc Công ty TNHH X, địa chỉ: Số A, ngõ A, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có nghĩa vụ trả ông Lê Hồng T tổng số tiền 362.000.000 đồng, trong đó có 300.000.000 đồng tiền vay theo Giấy thoả thuận vay tiền ngày 07/01/2021, 62.000.000 đồng là tiền lãi trên số tiền vay chưa trả tạm tính từ ngày 07/01/2021 đến ngày 07/3/2023, và số tiền lãi tính từ ngày 08/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/ năm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, đại điện theo pháp luật của Công ty TNHH X là ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:*

Ông xác nhận đã xem Giấy thoả thuận vay tiền ngày 07/01/2021 giữa ông Lê Hồng T và Công ty TNHH X do nguyên đơn cung cấp, ông xác định đúng ông T và ông là giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X đã ký trong giấy này. Do ông T có làm dịch vụ lấy đất cho Công ty X, số tiền lấy đất này Công ty X nợ chưa trả nên ông T yêu cầu Công ty ký Giấy thoả thuận vay tiền ngày 07/01/2021 với số tiền 300.000.000 đồng, chứ thực tế không có sự vay mượn tiền giữa Công ty X và ông T.

Nay ông T khởi kiện thì phía Công ty X đồng ý trả số nợ 300.000.000 đồng, tuy nhiên Công ty X đã trả được một phần trong số nợ 300.000.000 đồng này rồi nên ông đề nghị phía ông T cung cấp các văn bản đối chiếu công nợ giữa Công ty X và ông T để xác định số nợ còn lại. Khi công ty X trả tiền cho ông T không thiết lập văn bản gì nên không có tài liệu gì nộp cho Toà án.

Đối với phần lãi ông T yêu cầu, do Công ty X đang khó khăn nên đề nghị không phải trả tiền lãi.

Tại buổi hoà giải ngày 09/6/2023 ông H thay đổi lời khai, xác định Giấy vay tiền đề ngày 07/01/2021 do nguyên đơn cung cấp bản chất là việc ông T đưa vợ ông là bà Nguyễn Thị M đi vay tiền của một người thứ ba (người này ông không nhớ rõ tên) để trả tiền cho ông T. Sau đó ông T có soạn sẵn 01 giấy vay tiền đề ngày 07/01/2021 mang đến cho ông ký, với nội dung Công ty TNHH X vay của ông T số tiền 500 triệu đồng. Sau khi xem giấy vay tiền đề ngày 07/01/2021 ông T đưa, ông có thắc mắc hỏi lại vợ ông về số tiền vay thì ông và ông T cùng xác định chỉ vay 300 triệu đồng, nên ông T có ghi nội dung đính chính: " Đính chính Điều 1 và 2 Bên A

cho bên B vay với số tiền 300 triệu đồng" tại cuối trang 1 Giấy vay tiền ngày 07/01/2021. Do đó, ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông yêu cầu ông T có mặt tại Toà án để cùng thống nhất công nợ giữa hai bên, nếu đúng thì ông sẽ trả nợ cho ông T.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M được Toà án đưa tham gia tố tụng và triệu tập nhưng không đến làm việc và không có quan điểm gì về nội dung vụ án.*

** Tại phiên toà:*

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Công ty TNHH X có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền vay chưa trả là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2021 đến ngày xét sử sơ thẩm 11/8/2023 theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền vay 300.000.000 đồng

Ông H là người đại diện theo pháp luật của Công ty X đồng ý với yêu cầu của phía nguyên đơn, ông xác định bà M (vợ ông) đã trả nhiều lần tiền lãi cho ông T nên đề nghị xem xét, nhưng ông không cung cấp được tài liệu gì về việc trả lãi này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà M thống nhất lời trình bày của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M chưa tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 300.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2021 đến ngày 11/8/2023 trên số tiền 300.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH X còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ dân sự liên quan đến giao dịch dân sự, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn

đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án, bị đơn có địa chỉ tại thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Toà án buộc bị đơn trả tiền vay và tiền lãi:

Phía nguyên đơn xuất trình chứng cứ là Giấy thoả thuận vay tiền ngày 07/01/2021 giữa ông Lê Hồng T và Công ty TNHH X. Ông Nguyễn Văn H là giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X xác nhận chữ ký trong Giấy thoả thuận vay tiền ngày 07/01/2021 nên đủ căn cứ xác định Giấy thoả thuận vay tiền ngày 07/01/2021 giữa ông Lê Hồng T và Công ty TNHH X là có thật.

căn cứ vào nội dung Giấy thoả thuận vay tiền ngày 07/01/2021 giữa ông Lê Hồng T và Công ty TNHH X, đủ cơ sở xác định định Công ty TNHH X vay của ông T 300.000.000 đồng từ ngày 07/01/2021, thời hạn vay 30 ngày kể từ ngày vay, nhưng kể từ khi đến hạn trả nợ là ngày 07/02/2021 Công ty TNHH X chưa trả được tiền vay cho ông T, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 300.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/8/2023 trên số tiền vay theo mức lãi suất 10%/năm, phía bị đơn đồng ý trả nên cần buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ trả ông T 300.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 274; Điều 275; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với tiền lãi tính cụ thể như sau: Từ ngày 08/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/8/2023 là 02 năm 06 tháng 03 ngày, tính tiền lãi trên số tiền vay 300.000.000 đồng là: 300.000.000 đồng x 2 x 10% + 300.000.000 đồng x 6 x 0.83% + 300.000.000 đồng x 3 x 0.027% = 60.000.000 đồng + 14.940.000 đồng + 243.000 đồng= 75.183.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH X còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hồng T 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền vay và 75.183.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH X còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH X phải chịu 18.759.150đồng (Mười tám triệu bẩy trăm năm mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Hồng T 9.062.000 đồng (Chín triệu không trăm sáu hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002155 ngày 21/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang
- VKS TP Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Mạnh Thắng